

Số: 93/2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2023

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”,
“Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định đối tượng, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân là người Việt Nam đang nắm giữ, thực hành, truyền dạy và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thuộc các loại hình: Tiếng nói, chữ viết; ngữ văn dân gian; nghệ thuật trình diễn dân gian; tập quán xã hội và tín ngưỡng; lễ hội truyền thống; tri thức dân gian; nghề thủ công truyền thống.

2. Tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan tới hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

3. Nghị định này không áp dụng đối với cá nhân là người Việt Nam đang nắm giữ, thực hành, truyền dạy và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cộng đồng dân cư là nhóm công dân Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu (sau đây gọi chung là tổ dân phố).

2. Thời gian hoạt động liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể là thời gian được tính từ thời điểm cá nhân bắt đầu tham gia thực hành di sản văn hóa phi vật thể đến thời điểm nộp hồ sơ tại Hội đồng cấp tỉnh.

3. Nghề thủ công truyền thống gồm các biểu đạt văn hóa được thể hiện thông qua việc thực hành, sáng tạo của cá nhân, cộng đồng theo hình thức thủ công với kỹ thuật, hình thức, trang trí, nghệ thuật, nguyên vật liệu có yếu tố bản địa và được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác để tạo ra các sản phẩm có tính độc bản, mang bản sắc văn hóa cộng đồng.

Điều 4. Nguyên tắc xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

1. Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 5 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Không xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể cho cá nhân đã được đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp về loại hình di sản văn hóa phi vật thể mà họ đang nắm giữ để có thêm các kỹ năng, bí quyết.

3. Thời gian cá nhân công tác và hưởng lương từ ngân sách nhà nước; thời gian cá nhân thoát ly hoạt động thực hành di sản văn hóa phi vật thể tại cộng đồng thì không được tính là thời gian hoạt động liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

4. Hội đồng các cấp chỉ được trình cấp trên có thẩm quyền xem xét các trường hợp đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

Điều 5. Thời gian xét tặng, công bố và tổ chức trao tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

1. Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể được xét tặng và công bố theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tổ chức Lễ trao tặng danh hiệu cho các “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể cư trú tại địa phương.

Điều 6. Quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân được tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

1. Cá nhân được nhận Huy hiệu, Bằng chứng nhận của Chủ tịch nước, tiền thưởng và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân có nghĩa vụ giữ gìn hiện vật khen thưởng; không ngừng hoàn thiện tri thức, kỹ năng; tích cực thực hành, truyền dạy và phổ biến tri thức, kỹ năng; tham gia vào hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

Chương II

TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN”, “NGHỆ NHÂN ƯU TÚ” TRONG LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Điều 7. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể được tặng cho cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này đạt các tiêu chuẩn sau đây:

1. Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt; gương mẫu trong cuộc sống; tâm huyết, tận tụy với nghề; mẫu mực trong thực hành, bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể; được đồng nghiệp và Nhân dân ghi nhận, mến mộ.

3. Có tài năng hoặc kỹ năng nghề nghiệp đặc biệt xuất sắc, tiêu biểu cho loại hình di sản văn hóa phi vật thể được tôn vinh; có công hiến to lớn được ghi nhận cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị loại hình di sản văn hóa phi vật thể do cá nhân đang nắm giữ, thể hiện ở việc hiểu biết, nắm giữ tri thức, bí quyết, kỹ năng thực hành về loại hình di sản văn hóa phi vật thể; có sản phẩm tinh thần hoặc vật chất có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học, nghệ thuật, thẩm mỹ, kỹ thuật, góp phần bảo vệ và làm giàu các giá trị của di sản văn hóa phi vật thể, phát triển văn hóa, kinh tế - xã hội của đất nước; truyền dạy được nhiều cá nhân đã hoặc đang tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

4. Có thời gian hoạt động liên tục hoặc cộng dồn từ 20 năm trở lên liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

5. Đã được tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

Điều 8. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

Danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể được tặng cho cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này đạt các tiêu chuẩn sau đây:

1. Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt; gương mẫu trong cuộc sống; tâm huyết, tận tụy với nghề; mẫu mực trong thực hành, bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể; được đồng nghiệp và Nhân dân ghi nhận, mến mộ.

3. Có tài năng hoặc kỹ năng nghề nghiệp đặc biệt xuất sắc, tiêu biểu cho loại hình di sản văn hóa phi vật thể được tôn vinh; có cống hiến lớn được ghi nhận cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể do cá nhân đang nắm giữ, thể hiện ở việc hiểu biết, nắm giữ tri thức, bí quyết, kỹ năng thực hành về loại hình di sản văn hóa phi vật thể; có sản phẩm tinh thần hoặc vật chất có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học, nghệ thuật, thẩm mỹ, kỹ thuật, góp phần bảo vệ và làm giàu các giá trị của di sản văn hóa phi vật thể, phát triển văn hóa, kinh tế - xã hội của cộng đồng địa phương; truyền dạy được nhiều cá nhân đã hoặc đang tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

4. Có thời gian hoạt động liên tục hoặc cộng dồn từ 15 năm trở lên liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

Chương III

HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN”, “NGHỆ NHÂN ƯU TÚ” TRONG LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Điều 9. Tổ chức làm việc của Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

1. Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể được thành lập theo từng lần xét tặng. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Các cấp Hội đồng

- a) Hội đồng cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Hội đồng cấp tỉnh);
- b) Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ;
- c) Hội đồng cấp Nhà nước.

Điều 10. Hội đồng cấp tỉnh

1. Hội đồng cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao.

2. Số lượng thành viên Hội đồng cấp tỉnh: Từ 09 đến 11 thành viên.

3. Thành phần Hội đồng

- a) Chủ tịch Hội đồng: Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc phụ trách về lĩnh vực di sản văn hóa của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao;
- c) Thành viên Hội đồng: Đại diện lãnh đạo Sở Nội vụ, Hội (Chi hội) Di sản văn hóa địa phương; đại diện lãnh đạo cấp phòng phụ trách về lĩnh vực di sản văn hóa thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao; các chuyên gia có uy tín, am hiểu chuyên sâu về di sản văn hóa phi vật thể thuộc địa phương; “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể thuộc địa phương (nếu có).

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

a) Cá nhân có hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể không tham gia Hội đồng;

b) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai và bỏ phiếu kín;

c) Hội đồng tổ chức phiên họp khi có mặt ít nhất 90% thành viên Hội đồng, trong đó có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền;

d) Hội đồng xem xét về thời gian hoạt động liên tục hoặc cộng dồn liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; đánh giá về uy tín, kỹ năng nghề nghiệp, tầm ảnh hưởng của từng cá nhân có hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 hoặc Điều 8 Nghị định này. Thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, có ý kiến trao đổi, thảo luận tại Hội đồng;

đ) Hội đồng cấp tỉnh chỉ xét hồ sơ do cá nhân gửi theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

5. Hội đồng cấp tỉnh sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao là cơ quan thường trực của Hội đồng cấp tỉnh. Cơ quan thường trực của Hội đồng cấp tỉnh được sử dụng con dấu của cơ quan mình để thực hiện một số hoạt động theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng cấp tỉnh.

7. Hội đồng cấp tỉnh có Tổ Thư ký do Chủ tịch Hội đồng cấp tỉnh thành lập.

Điều 11. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ

1. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn về công tác thi đua, khen thưởng thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Số lượng thành viên Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ: Từ 11 đến 15 thành viên.

3. Thành phần Hội đồng

a) Chủ tịch Hội đồng: Đại diện lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Thủ trưởng cơ quan chuyên môn về công tác thi đua, khen thưởng và Thủ trưởng cơ quan chuyên môn về di sản văn hóa thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

c) Thành viên Hội đồng: Đại diện lãnh đạo: các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành trung ương có liên quan; một số cơ quan chuyên ngành có liên quan; các chuyên gia có uy tín, am hiểu chuyên sâu về lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

a) Cá nhân có hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể không tham gia Hội đồng;

b) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai và bỏ phiếu kín;

c) Hội đồng tổ chức phiên họp khi có mặt ít nhất 90% thành viên Hội đồng, trong đó có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền;

d) Hội đồng xem xét về hồ sơ, trình tự, thủ tục của Hội đồng cấp tỉnh; đánh giá về uy tín, kỹ năng nghề nghiệp, tầm ảnh hưởng của từng cá nhân có hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 hoặc Điều 8 Nghị định này. Thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, có ý kiến trao đổi, thảo luận tại Hội đồng;

đ) Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ chỉ xét hồ sơ do Hội đồng cấp tỉnh trình theo trình tự, thủ tục, hồ sơ quy định tại Điều 13 và Điều 14 Nghị định này.

5. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ sử dụng con dấu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Cơ quan chuyên môn về công tác thi đua, khen thưởng thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan thường trực của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ.

7. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ có Tổ Thư ký do Chủ tịch Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ thành lập.

Điều 12. Hội đồng cấp Nhà nước

1. Hội đồng cấp Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ thành lập theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Số lượng thành viên Hội đồng cấp Nhà nước: Từ 15 đến 19 thành viên.

3. Thành phần Hội đồng

a) Chủ tịch Hội đồng: Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ; đại diện Bộ Nội vụ (Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương);

c) Thành viên Hội đồng: Đại diện lãnh đạo: Vụ Văn hóa, văn nghệ thuộc Ban Tuyên giáo Trung ương; các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành trung ương có liên quan; một số cơ quan liên quan đến công tác xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; Thủ trưởng cơ quan chuyên môn về công tác thi đua, khen thưởng thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các chuyên gia có uy tín, am hiểu chuyên sâu về lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

a) Cá nhân có hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể không tham gia Hội đồng;

b) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai và bỏ phiếu kín;

c) Hội đồng tổ chức phiên họp khi có mặt ít nhất 90% thành viên Hội đồng, trong đó có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền;

d) Hội đồng xem xét về hồ sơ, trình tự, thủ tục của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ; đánh giá về uy tín, kỹ năng nghề nghiệp, tầm ảnh hưởng của từng cá nhân có hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 hoặc Điều 8 Nghị định này. Thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ, có ý kiến trao đổi, thảo luận tại Hội đồng;

đ) Hội đồng cấp Nhà nước chỉ xét hồ sơ do Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ trình theo trình tự, thủ tục, hồ sơ quy định tại Điều 13 và Điều 15 Nghị định này.

5. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan thường trực của Hội đồng cấp Nhà nước.

6. Hội đồng cấp Nhà nước sử dụng con dấu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

7. Hội đồng cấp Nhà nước có Tổ Thư ký do Chủ tịch Hội đồng cấp Nhà nước thành lập.

Chương IV

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN”, “NGHỆ NHÂN ƯU TÚ” TRONG LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

Điều 13. Hồ sơ, cách thức gửi hồ sơ và cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm:

a) Tờ khai đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể theo Mẫu số 1a hoặc Mẫu số 1b tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Các tài liệu chứng minh về tri thức, kỹ năng, thực hành, truyền dạy, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, gồm: Bảng, đĩa hình, ảnh, tài liệu mô tả tri thức và kỹ năng đang nắm giữ hoặc các tài liệu khác liên quan (nếu có);

c) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp gửi hồ sơ qua bưu chính hoặc trực tuyến) các quyết định khen thưởng từ hình thức Giấy khen trở lên (nếu có).

2. Cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này tự mình hoặc ủy quyền bằng văn bản theo quy định của pháp luật cho cá nhân, tổ chức khác lập hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ tới Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao nơi cá nhân cư trú.

3. Trường hợp hồ sơ cá nhân không hợp lệ, cần bổ sung, chỉnh sửa, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 07 ngày tính từ khi nhận lại hồ sơ, cá nhân nộp hồ sơ đã hoàn thiện đến cơ quan tiếp nhận.

Điều 14. Trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tại Hội đồng cấp tỉnh

1. Công khai danh sách cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Báo địa phương trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nhận hồ sơ của cá nhân để lấy ý kiến của Nhân dân.

2. Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị của Nhân dân trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn công khai danh sách cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Báo địa phương.

3. Tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư nơi cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể đang cư trú trong thời gian 30 ngày tính từ ngày công khai danh sách trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Báo

4. Xem xét, đánh giá từng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể theo quy định tại Điều 7 hoặc Điều 8 Nghị định này trong thời gian 10 ngày kể từ ngày cơ quan thường trực Hội đồng báo cáo xin ý kiến các thành viên Hội đồng về hồ sơ.

5. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp, Hội đồng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét tặng đến cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

6. Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian 20 ngày kể từ ngày thông báo kết quả xét tặng của Hội đồng.

7. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tiếp nhận, xử lý các kiến nghị, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể đạt từ 75% ý kiến đồng ý của cộng đồng dân cư nơi cư trú và đạt từ 80% phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp, gửi cơ quan thường trực Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ. Hồ sơ (01 bộ) bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể theo Mẫu số 2a hoặc Mẫu số 2b tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Tóm tắt thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể theo Mẫu số 3a hoặc Mẫu số 3b tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

c) Biên bản họp Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể theo Mẫu số 4a hoặc Mẫu số 4b tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

d) Biên bản kiểm phiếu bầu xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể theo Mẫu số 5a hoặc Mẫu số 5b tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

đ) Báo cáo quá trình xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể theo Mẫu số 6a hoặc Mẫu số 6b tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;



e) Biên bản họp lấy ý kiến của cộng đồng dân cư nơi cư trú theo Mẫu số 8 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này;

g) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này;

h) Quyết định thành lập Hội đồng cấp tỉnh.

8. Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tại Hội đồng cấp tỉnh không quá 90 ngày.

Điều 15. Trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tại Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ

1. Công khai danh sách cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn nhận hồ sơ của Hội đồng cấp tỉnh để lấy ý kiến của Nhân dân.

2. Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị của Nhân dân trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn công khai danh sách cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Xem xét, đánh giá từng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể theo quy định tại Điều 7 hoặc Điều 8 Nghị định này trong thời gian 15 ngày kể từ ngày cơ quan thường trực Hội đồng báo cáo xin ý kiến các thành viên Hội đồng về hồ sơ.

4. Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp của Hội đồng, cơ quan thường trực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ đến Hội đồng cấp tỉnh.

Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày Hội đồng cấp tỉnh nhận được văn bản thông báo kết quả của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ, cơ quan thường trực Hội đồng cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến các cá nhân có hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.



5. Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian 20 ngày kể từ ngày thông báo kết quả xét tặng của Hội đồng.

6. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tiếp nhận, xử lý các kiến nghị, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể đạt từ 80% phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp, gửi cơ quan thường trực Hội đồng cấp Nhà nước. Hồ sơ (01 bộ) bao gồm:

a) Văn bản quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 7 Điều 14 Nghị định này;

b) Quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ.

7. Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tại Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ không quá 120 ngày.

Điều 16. Trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tại Hội đồng cấp Nhà nước

1. Công khai danh sách cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn nhận hồ sơ của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ để lấy ý kiến của Nhân dân.

2. Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị của Nhân dân trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn công khai danh sách cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Xem xét, đánh giá từng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể theo quy định tại Điều 7 hoặc Điều 8 Nghị định này trong thời gian 15 ngày kể từ ngày cơ quan thường trực Hội đồng báo cáo xin ý kiến các thành viên Hội đồng về hồ sơ.

4. Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp của Hội đồng, cơ quan thường trực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể của Hội đồng cấp Nhà nước đến Hội đồng cấp tỉnh.

Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày Hội đồng cấp tỉnh nhận được văn bản thông báo kết quả của Hội đồng cấp Nhà nước, cơ quan thường trực Hội đồng cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến các cá nhân có hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

5. Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian 20 ngày kể từ ngày thông báo kết quả xét tặng của Hội đồng.

6. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tiếp nhận, xử lý các kiến nghị, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể đạt từ 80% phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp, gửi Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ. Hồ sơ (01 bộ) bao gồm:

a) Văn bản quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 7 Điều 14 Nghị định này;

b) Quyết định thành lập Hội đồng cấp Nhà nước.

7. Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tại Hội đồng cấp Nhà nước không quá 120 ngày.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

2. Nghị định số 62/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện


Nghị định này. →

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo,
- Lưu: VT, TCCV (2)₁₁₀

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Trần Lưu Quang



Phụ lục
MẪU TRONG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU
“NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN”, “NGHỆ NHÂN ƯU TÚ”
TRONG LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ
(Kèm theo Nghị định số 93/2023/NĐ-CP
ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ)

Mã số	Mẫu biểu
Mẫu số 1a	Tờ khai đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
Mẫu số 1b	Tờ khai đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
Mẫu số 2a	Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
Mẫu số 2b	Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
Mẫu số 3a	Tóm tắt thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
Mẫu số 3b	Tóm tắt thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
Mẫu số 4a	Biên bản họp Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
Mẫu số 4b	Biên bản họp Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
Mẫu số 5a	Biên bản kiểm phiếu xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
Mẫu số 5b	Biên bản kiểm phiếu xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
Mẫu số 6a	Báo cáo quá trình xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể của Hội đồng
Mẫu số 6b	Báo cáo quá trình xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
Mẫu số 7a	Phiếu bầu xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
Mẫu số 7b	Phiếu bầu xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
Mẫu số 8	Biên bản họp lấy ý kiến của cộng đồng dân cư nơi cư trú

Ảnh mẫu
4 x 6
(đóng dấu
giáp lai)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

**ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN”
TRONG LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên (khai sinh):.....
2. Tên thường gọi hoặc nghệ danh, bí danh:.....
3. Mã định danh cá nhân:.....
4. Tên di sản văn hóa phi vật thể nắm giữ:
5. Năm bắt đầu thực hành di sản văn hóa phi vật thể:
6. Số năm tham gia thực hành di sản văn hóa phi vật thể:
7. Loại hình di sản văn hóa phi vật thể đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể:
8. Năm được tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể:
9. Số điện thoại cá nhân:.....
10. Địa chỉ liên hệ:

II. TRI THỨC VÀ KỸ NĂNG ĐANG NẮM GIỮ

1. Mô tả chi tiết về tri thức và kỹ năng đang nắm giữ:.....
2. Những đóng góp hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể:
 - Trước khi được tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể:.....
 - Sau khi được tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.....

III. QUÁ TRÌNH HỌC TẬP VÀ TRUYỀN DẠY

1. Kê khai về quá trình học tập (nêu cụ thể cá nhân được ai truyền dạy, nay còn sống hay đã chết (mất), địa chỉ, điện thoại của người đó (nếu có). Năm bắt đầu được truyền dạy, các mốc lớn về thời gian được truyền dạy.
2. Kê khai chi tiết về số lượng học trò đã truyền dạy (không kê số lượng học trò, học viên tham gia các lớp tập huấn, hội thảo, hội nghị mà cá nhân tham gia trao đổi, nói chuyện hoặc thực hành di sản văn hóa phi vật thể).

Nêu cụ thể về học trò tiêu biểu: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; địa chỉ liên hệ; số điện thoại liên hệ.

IV. QUÁ TRÌNH THAM GIA THỰC HÀNH DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ SAU KHI ĐƯỢC TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ NHÂN ƯU TÚ”

1. Kê khai về quá trình tham gia thực hành di sản văn hóa phi vật thể đang nắm giữ sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể (nêu cụ thể về thời gian, địa điểm của cá nhân khi tham gia thực hành di sản văn hóa phi vật thể,...).

2. Kê khai chi tiết về số lượng số học trò đã truyền dạy sau khi được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể (không kê số lượng học trò, học viên tham gia các lớp tập huấn, hội thảo, hội nghị mà cá nhân tham gia trao đổi, nói chuyện hoặc thực hành di sản văn hóa phi vật thể).

Nêu cụ thể về học trò tiêu biểu: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; địa chỉ liên hệ; số điện thoại liên hệ.

V. KHEN THƯỞNG

Kê khai thành tích khen thưởng từ sau khi được tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể tại Hội đồng cấp tỉnh.

1. Khen thưởng chung (Nêu các hình thức khen thưởng từ Giấy khen trở lên):

Năm	Hình thức khen thưởng	Số quyết định tặng khen thưởng (cơ quan tổ chức; nơi tổ chức, năm tổ chức)
	

2. Khen thưởng về đóng góp của cá nhân đối với di sản văn hóa phi vật thể đang nắm giữ:

Năm	Tên Giải thưởng (nội dung cụ thể)	Số quyết định tặng khen thưởng (cơ quan tổ chức; nơi tổ chức, năm tổ chức)
	

VI. KỶ LUẬT: Nêu cụ thể các hình thức kỷ luật (nếu có)

.....

Tôi xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng sự thật.

Địa danh, ngày..... tháng..... năm....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Địa danh, ngày tháng năm

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan thường trực Hội đồng cấp tỉnh

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Ảnh màu
4 x 6
(đóng dấu
giáp lại)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

**ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ NHÂN ƯU TÚ”
TRONG LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên (khai sinh):..... Giới tính:.....
2. Tên thường gọi hoặc nghệ danh, bí danh:.....
3. Mã định danh cá nhân:.....
4. Tên di sản văn hóa phi vật thể nắm giữ:
5. Năm bắt đầu thực hành di sản văn hóa phi vật thể:
6. Số năm tham gia thực hành di sản văn hóa phi vật thể:
7. Loại hình di sản văn hóa phi vật thể đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể:
8. Số điện thoại cá nhân:
9. Địa chỉ liên hệ:

II. TRI THỨC VÀ KỸ NĂNG ĐANG NẮM GIỮ

1. Mô tả chi tiết về tri thức và kỹ năng đang nắm giữ:.....
2. Những đóng góp hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể:

III. QUÁ TRÌNH HỌC TẬP

Kê khai về quá trình học tập (nêu cụ thể cá nhân được ai truyền dạy, nay còn sống hay đã chết (mất), địa chỉ, điện thoại của người đó (nếu có). Năm bắt đầu được truyền dạy, các mốc lớn về thời gian được truyền dạy.

IV. QUÁ TRÌNH THAM GIA THỰC HÀNH DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ VÀ TRUYỀN DẠY

1. Kê khai về quá trình tham gia thực hành di sản văn hóa phi vật thể đang nắm giữ (nêu cụ thể về thời gian, địa điểm của cá nhân khi tham gia thực hành di sản văn hóa phi vật thể,...).

2. Kê khai chi tiết về số lượng học trò đã truyền dạy (không kê số lượng học trò, học viên tham gia các lớp tập huấn, hội thảo, hội nghị mà cá nhân tham gia trao đổi, nói chuyện hoặc thực hành di sản văn hóa phi vật thể).

Nêu cụ thể về học trò tiêu biểu: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; địa chỉ liên hệ; số điện thoại liên hệ).

V. KHEN THƯỞNG

1. Khen thưởng chung (Nêu các hình thức khen thưởng từ Giấy khen trở lên):

Năm	Hình thức khen thưởng	Số quyết định tặng khen thưởng (cơ quan tổ chức; nơi tổ chức, năm tổ chức)
	

2. Khen thưởng về đóng góp của cá nhân đối với di sản văn hóa phi vật thể đang nắm giữ:

Năm	Tên Giải thưởng (nội dung cụ thể)	Số quyết định tặng khen thưởng (cơ quan tổ chức; nơi tổ chức, năm tổ chức)

VI. KỶ LUẬT: Nêu cụ thể các hình thức kỷ luật (nếu có)

.....

Tôi xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng sự thật.

Địa danh, ngày..... tháng..... năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Địa danh, ngày tháng năm

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan thường trực Hội đồng cấp tỉnh (thành phố)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 2a

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU
NNND, NNƯT TRONG LĨNH VỰC
DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Cấp xét):

Địa danh, ngày.... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

**Đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”
trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể**

Kính gửi: Hội đồng xét tặng danh hiệu
“Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”
trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể¹

1. Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng;
2. Nghị định số /20.../NĐ-CP ngày tháng năm 20... của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể;
3. Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.....² đã họp vào ngày.... tháng.... năm.... để xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” cho:..... người (Nêu số lượng theo từng loại hình di sản văn hóa phi vật thể).
4. Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.....² đề nghị Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.....¹ xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể cho:.... người (có danh sách gửi kèm), trong đó danh sách nêu số lượng theo từng loại hình di sản văn hóa phi vật thể.

Kính trình Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.....¹ xem xét, quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Chữ ký, dấu của đơn vị)

Họ và tên
(Chức danh)

Ghi chú:

- (1): Hội đồng cấp trên trực tiếp.
- (2): Hội đồng thụ lý hồ sơ.

Mẫu số 2b

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU
NNND, NNƯT TRONG LĨNH VỰC
DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Cấp xét):

Địa danh, ngày.... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

**Đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”
trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể**

Kính gửi: Hội đồng xét tặng danh hiệu
“Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”
trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể¹

1. Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng;
2. Nghị định số /20.../ND-CP ngày tháng năm 20.... của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể;
3. Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể² đã họp vào ngày.... tháng.... năm.... để xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” cho:..... người (Nêu số lượng theo từng loại hình di sản văn hóa phi vật thể).
4. Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể² đề nghị Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể¹ xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” cho:.... người (có danh sách gửi kèm), trong đó danh sách nêu số lượng theo từng loại hình di sản văn hóa phi vật thể.

Kính trình Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể¹ xem xét, quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Chữ ký, dấu của đơn vị)

Họ và tên
(Chức danh)

Ghi chú:

- (1): Hội đồng cấp trên trực tiếp.
- (2): Hội đồng thụ lý hồ sơ.

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
NNND, NNUT TRONG LĨNH VỰC DI SẢN
VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày.... tháng..... năm.....

(Cấp xét):

TÓM TẮT THÀNH TÍCH

Đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

STT	Thông tin về cá nhân	Thời gian bắt đầu thực hành /số năm tham gia thực hành DSVHPVT	Mô tả tri thức; nêu chi tiết kỹ năng và kỹ thuật của DSVHPVT đang nắm giữ	Người truyền dạy DSVHPVT (nếu tóm tắt)	Quá trình tham gia thực hành DSVHPVT sau khi được phong tặng danh hiệu NNUT (nếu tóm tắt)	Số lượng học trò được truyền dạy (nếu tên học trò tiêu biểu)	Khen thưởng của cá nhân (nếu có)	Số phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp		
								Hội đồng cấp tỉnh	Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ	Hội đồng cấp Nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	<p>NNUT Nguyễn Văn A</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới tính: Nam/nữ - Năm sinh: (.... tuổi) - Dân tộc: ... - Nguyên quán: xã (phường), huyện (quận), tỉnh/tp - Địa chỉ thường trú: xã (phường), huyện (quận), tỉnh/tp - Tên DSVHPVT đang nắm giữ: - Loại hình DSVHPVT: - Năm được tặng danh hiệu NNUT trong lĩnh vực DSVHPVT: ... (... năm) - Hội đồng cấp tỉnh: - Ý kiến cộng đồng dân cư nơi cư trú: .../.... (...%) 									
2										

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Chữ ký, dấu của đơn vị)

**Họ và tên
(Chức danh)**

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
NNND, NNƯT TRONG LĨNH VỰC DI SẢN
VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

(Cấp xét):

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày.... tháng..... năm.....

TÓM TẮT THÀNH TÍCH

Đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

STT	Thông tin về cá nhân	Thời gian bắt đầu thực hành /số năm tham gia thực hành DSVHPVT	Mô tả tri thức; nêu chi tiết kỹ năng và kỹ thuật của DSVHPVT đang nắm giữ	Người truyền dạy DSVHPVT (nêu tóm tắt)	Quá trình tham gia thực hành DSVHPVT (nêu tóm tắt)	Số lượng học trò được truyền dạy (nêu tên học trò tiêu biểu)	Khen thưởng của cá nhân (nếu có)	Số phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp		
								Hội đồng cấp tỉnh	Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ	Hội đồng cấp Nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	<p>Nguyễn Văn B</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới tính: Nam/nữ - Năm sinh: (.... tuổi) - Dân tộc: ... - Nguyên quán: xã (phường), huyện (quận), tỉnh/tp - Địa chỉ thường trú: xã (phường), huyện (quận), tỉnh/tp - Tên DSVHPVT đang nắm giữ: - Loại hình di sản văn hóa phi vật thể: - Hội đồng cấp tỉnh: - Ý kiến cộng đồng dân cư nơi cư trú: .../.... (....%) 									
2										

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Chữ ký, dấu của đơn vị)

Họ và tên
(Chức danh)

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU
NNND, NNƯT TRONG LĨNH VỰC
DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

(Cấp xét):

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày.... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN HỌP

Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể...² được thành lập theo Quyết định số...../.....ngày...tháng...năm...của.....

Hội đồng đã tổ chức cuộc họp phiên toàn thể vào....ngày....tháng....năm.... để xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

Địa điểm họp:.....

Thời gian họp:.....

Tổng số thành viên trong Hội đồng theo quyết định:.....người

Số thành viên Hội đồng tham gia dự họp:.....người, gồm:

1.....

2.....

Số thành viên Hội đồng không dự họp:.....người, gồm:

1.....

2.....

(Nêu lý do vắng mặt)

- Khách mời tham dự họp Hội đồng: ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác (nếu có).

1.....

2.....

- Thư ký Hội đồng:.....

NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

1. Hội đồng đã nghe Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Hội đồng báo cáo về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” của Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.....².

- Nghe báo cáo về việc công khai danh sách cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể trên phương tiện truyền thông thuộc thẩm quyền quản lý.

- Nghe báo cáo tình hình kết quả lấy ý kiến của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Nghe báo cáo cụ thể tình hình đơn thư (nếu có): số lượng đơn thư; nội dung cơ bản của đơn thư; kết quả xử lý đơn thư.

2. Hội đồng trao đổi, thảo luận:

- Đánh giá về thành tích và tiêu chuẩn của từng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”.

- Các vấn đề chính được Hội đồng thảo luận.

- Các vấn đề khác (nếu có).

(ghi tóm tắt cơ bản các ý kiến của thành viên Hội đồng).

3. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu:

- Trưởng ban:.....

- Ủy viên:.....

4. Hội đồng đã bỏ phiếu kín, Ban kiểm phiếu làm việc theo đúng quy định (có biên bản kiểm phiếu kèm theo).

5. Kết quả bỏ phiếu kín:

a) Các trường hợp đủ số phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp theo quy định, đủ điều kiện trình Hội đồng¹ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm:

STT	Họ và tên	Tên di sản DSVHPVT đang nắm giữ	Loại hình DSVHPVT	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1	NNƯT				
...					

b) Các trường hợp không đủ số phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp theo quy định, không đủ điều kiện trình Hội đồng.....¹ xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm:

STT	Họ và tên	Tên di sản DSVHPVT đang nắm giữ	Loại hình DSVHPVT	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1	NNƯT				
...					

6. Kết luận của Hội đồng:

- Nêu kiến nghị, đề xuất với Hội đồng.....¹ (nếu có)

- Nêu số lượng hồ sơ “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể trình Hội đồng.....¹

Cuộc họp kết thúc vào hồi..... giờ... ngày..... tháng.... năm.....

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Hội đồng cấp trên trực tiếp.

(2): Hội đồng thụ lý hồ sơ.

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU
NNND, NNƯT TRONG LĨNH VỰC
DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

(Cấp xét):

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày.... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN HỌP

Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.....² được thành lập theo Quyết định số...../.....ngày...tháng...năm...của.....

Hội đồng đã tổ chức cuộc họp phiên toàn thể vào....ngày....tháng....năm.... để xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

Địa điểm họp:.....

Thời gian họp:.....

Tổng số thành viên trong Hội đồng theo quyết định:.....người

Số thành viên Hội đồng tham gia dự họp:.....người, gồm:

1.....

2.....

Số thành viên Hội đồng không dự họp:.....người, gồm:

1.....

2.....

(Nêu lý do vắng mặt)

- Khách mời tham dự họp Hội đồng: ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác (nếu có).

1.....

2.....

- Thư ký Hội đồng:.....

NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

1. Hội đồng đã nghe Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Hội đồng báo cáo về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” của Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.....².

- Nghe báo cáo về việc công khai danh sách cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể trên phương tiện truyền thông thuộc thẩm quyền quản lý.

- Nghe báo cáo tình hình kết quả lấy ý kiến của cộng đồng dân cư nơi cư trú.

- Nghe báo cáo cụ thể tình hình đơn thư (nếu có): số lượng đơn thư; nội dung cơ bản của đơn thư; kết quả xử lý đơn thư.

2. Hội đồng trao đổi, thảo luận:

- Đánh giá về thành tích và tiêu chuẩn của từng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

- Các vấn đề chính được Hội đồng thảo luận.

- Các vấn đề khác (nếu có).

(ghi tóm tắt cơ bản các ý kiến của thành viên Hội đồng).

3. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu:

- Trưởng ban:.....

- Ủy viên:.....

4. Hội đồng đã bỏ phiếu kín, Ban kiểm phiếu làm việc theo đúng quy định (có biên bản kiểm phiếu kèm theo).

5. Kết quả bỏ phiếu kín:

a) Các trường hợp đủ số phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp theo quy định, đủ điều kiện trình Hội đồng¹ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm:

STT	Họ và tên	Tên di sản DSVHPVT đang nắm giữ	Loại hình DSVHPVT	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1	Ông/Bà				
...					

b) Các trường hợp không đủ số phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp theo quy định, không đủ điều kiện trình Hội đồng.....¹ xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm:

STT	Họ và tên	Tên di sản DSVHPVT đang nắm giữ	Loại hình DSVHPVT	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1	Ông/Bà				
...					

6. Kết luận của Hội đồng:

- Nêu kiến nghị, đề xuất với Hội đồng.....¹ (nếu có)

- Nêu số lượng hồ sơ “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể trình Hội đồng.....¹

Cuộc họp kết thúc vào hồi..... giờ... ngày..... tháng.... năm.....

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Hội đồng cấp trên trực tiếp.

(2): Hội đồng thụ lý hồ sơ.

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU
NNND, NNƯT TRONG LĨNH VỰC
DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

(Cấp xét):

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày.... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU
Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”
trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể**

Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.....² được thành lập theo Quyết định số...../.....ngày...tháng... năm....của.....

Hội đồng đã tổ chức cuộc họp phiên toàn thể vào.... ngày.... tháng.... năm.... tại.....

1. Tổng số thành viên trong Hội đồng theo Quyết định thành lập:.....người

a) Số thành viên Hội đồng tham gia dự họp:.....người, gồm:

.....
.....

b) Số thành viên Hội đồng vắng mặt:.....người, gồm:

.....
.....

c) Số thành viên tham gia bỏ phiếu:..... người

2. Ban kiểm phiếu gồm:

- Trưởng ban:.....

- Ủy viên:.....

3. Số phiếu đánh giá

- Số phiếu phát ra:..... phiếu

- Số phiếu thu về:..... phiếu

- Số phiếu hợp lệ:.....phiếu

- Số phiếu không hợp lệ:..... phiếu

4. Kết quả kiểm phiếu bầu xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

(Ghi đủ số lượng trong danh sách bỏ phiếu, xếp theo thứ tự số phiếu từ cao xuống thấp; tỷ lệ % = số phiếu đạt/tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp).

STT	Họ và tên	Tên di sản DSVHPVT đang nắm giữ	Loại hình DSVHPVT	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1	NNƯT				
...					

5. Kết luận

Căn cứ vào kết quả phiếu bầu của các thành viên Hội đồng.....², đề nghị Hội đồng.....¹ xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể cho:... người (có danh sách kèm theo).

(Ghi số lượng người có phiếu bầu danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể đạt tỷ lệ từ 80% phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp).

STT	Họ và tên	Tên di sản DSVHPVT đang nắm giữ	Loại hình DSVHPVT	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1	NNƯT				
...					

Biên bản kiểm phiếu được làm vào hồi..... giờ... ngày..... tháng.... năm.....

ỦY VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1): Hội đồng cấp trên trực tiếp.

(2): Hội đồng thụ lý hồ sơ.

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU
NNND, NNƯT TRONG LĨNH VỰC
DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

(Cấp xét):

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày.... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU
xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”
trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể**

Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.....² được thành lập theo Quyết định số...../.....ngày... tháng.... năm....của.....

Hội đồng đã tổ chức cuộc họp phiên toàn thể vào.... ngày.... tháng.... năm.... tại.....

1. Tổng số thành viên trong Hội đồng theo Quyết định thành lập:.....người

a) Số thành viên Hội đồng tham gia dự họp:.....người, gồm:

.....
.....

b) Số thành viên Hội đồng vắng mặt:.....người, gồm:

.....
.....

c) Số thành viên tham gia bỏ phiếu:..... người

2. Ban kiểm phiếu gồm:

- Trưởng ban:.....

- Ủy viên:.....

3. Số phiếu đánh giá

- Số phiếu phát ra:..... phiếu

- Số phiếu thu về:..... phiếu

- Số phiếu hợp lệ:.....phiếu

- Số phiếu không hợp lệ:..... phiếu

4. Kết quả kiểm phiếu bầu xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

(Ghi đủ số lượng trong danh sách bỏ phiếu, xếp theo thứ tự số phiếu từ cao xuống thấp; tỷ lệ % = số phiếu đạt/tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp).

STT	Họ và tên	Tên di sản DSVHPVT đang nắm giữ	Loại hình DSVHPVT	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1	Ông/Bà				
...					

5. Kết luận

Căn cứ vào kết quả phiếu bầu của các thành viên Hội đồng.....², đề nghị Hội đồng.....¹ xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể cho:..... người (có danh sách kèm theo).

(Ghi số lượng người có phiếu bầu danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể đạt tỷ lệ từ 80% phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp).

STT	Họ và tên	Tên di sản DSVHPVT đang nắm giữ	Loại hình DSVHPVT	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1	Ông/Bà				
...					

Biên bản kiểm phiếu được làm vào hồi..... giờ... ngày..... tháng.... năm.....

ỦY VIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1): Hội đồng cấp trên trực tiếp.
(2): Hội đồng thụ lý hồ sơ.

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU
NNND, NNƯT TRONG LĨNH VỰC
DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Cấp xét):

Địa danh, ngày.... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

Quá trình xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”....² đã tổ chức cuộc họp phiên toàn thể ngày...tháng... năm... để xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

Trong quá trình xét tặng, Hội đồng đã thực hiện đúng các quy định của Nghị định số /20.../NĐ-CP của Chính phủ và của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể đúng đối tượng, tiêu chuẩn, trình tự và thủ tục xét tặng.

(Nêu chi tiết các nội dung nhiệm vụ Hội đồng.....² đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số /20.../NĐ-CP của Chính phủ).

Sau khi xem xét, đánh giá thành tích của từng cá nhân, đối chiếu với tiêu chuẩn quy định, Hội đồng đã tiến hành bỏ phiếu kín.

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, đề nghị Hội đồng.....¹ xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể cho:.....người, trong đó:

(Nêu số lượng từng loại hình di sản văn hóa phi vật thể)

Cụ thể danh sách như sau:

STT	Họ và tên	Tên DSVHPVT đang nắm giữ	Loại hình DSVHPVT
1	NNƯT		
...			

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

(Chữ ký, dấu của đơn vị)

Họ và tên
(Chức danh)

Ghi chú:

(1): Hội đồng cấp trên trực tiếp.

(2): Hội đồng thụ lý hồ sơ.

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU
NNND, NNƯT TRONG LĨNH VỰC
DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Cấp xét):

Địa danh, ngày.... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

Quá trình xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”.....² đã tổ chức cuộc họp phiên toàn thể ngày....tháng.... năm.... để xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

Trong quá trình xét, Hội đồng đã thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số /20.../NĐ-CP của Chính phủ và của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể đúng đối tượng, tiêu chuẩn, trình tự và thủ tục xét tặng.

(Nêu chi tiết các nội dung nhiệm vụ Hội đồng.....² đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số /20.../NĐ-CP của Chính phủ).

Sau khi xem xét, đánh giá thành tích của từng cá nhân, đối chiếu với tiêu chuẩn quy định, Hội đồng đã tiến hành bỏ phiếu kín.

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, đề nghị Hội đồng.....¹ xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể cho:.....người, trong đó:

(Nêu số lượng từng loại hình di sản văn hóa phi vật thể)

Cụ thể danh sách như sau:

STT	Họ và tên	Tên DSVHPVT đang nắm giữ	Loại hình DSVHPVT
1	Ông/Bà		
...			

TM. HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH

(Chữ ký, dấu của đơn vị)

Họ và tên

(Chức danh)

Ghi chú:

(1): Hội đồng cấp trên trực tiếp.

(2): Hội đồng thụ lý hồ sơ.

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU
NNND, NNƯT TRONG LĨNH VỰC
DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

(Cấp xét):

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày.... tháng..... năm.....

PHIẾU BẦU

**Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”
trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể**

(Đồng ý, không đồng ý, đề nghị thành viên Hội đồng đánh dấu ✓ vào ô tương ứng)

STT	Họ và tên	Ý kiến của thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp	
		Đồng ý	Không đồng ý
1	Nghệ nhân ưu tú		
2			
3			
4			
5			
6			
...			

Thành viên Hội đồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU
NNND, NNƯT TRONG LĨNH VỰC
DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

(Cấp xét):

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày.... tháng..... năm.....

PHIẾU BẦU

**Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”
trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể**

(Đồng ý, không đồng ý, đề nghị thành viên Hội đồng đánh dấu √ vào ô tương ứng)

STT	Họ và tên	Ý kiến của thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp	
		Đồng ý	Không đồng ý
1	Ông/Bà		
2			
3			
4			
5			
6			
...			

Thành viên Hội đồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU
NNND, NNƯT TRONG LĨNH VỰC
DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Cấp xét):

Địa danh, ngày.... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN HỌP LẤY Ý KIẾN
CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ NƠI CƯ TRÚ**

Căn cứ Nghị định số /20..../NĐ-CP ngày tháng năm 20... của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể;

Căn cứ Kế hoạch xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể lần thứ... do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành;

Hôm nay, vào hồi.... giờ ngày tháng năm tại Tổ dân phố/thôn.....

Chúng tôi gồm:

1. Nguyễn Văn A, chức vụ: là đại diện cơ quan thường trực Hội đồng cấp tỉnh

2. Nguyễn Văn B, chức vụ: là đại diện lãnh đạo Phòng Văn hóa Thông tin huyện/thị nơi lấy ý kiến của cộng đồng dân cư nơi cư trú về các cá nhân có hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

3. Nguyễn Văn C, chức vụ: là đại diện cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lấy ý kiến của cộng đồng dân cư nơi cư trú về các cá nhân có hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể

- Nội dung: Tổ chức cuộc họp lấy ý kiến của cộng đồng dân cư nơi cư trú về hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể của: ông/bà Nguyễn Văn A

Tổng số người tham dự cuộc họp:người

- Yêu cầu:

+ Đề nghị mời tất cả hộ gia đình của cộng đồng dân cư tham dự; mỗi hộ gia đình cử 01 cá nhân đại diện tham dự.

+ Cuộc họp chỉ được thực hiện khi có đại diện của 3/4 hộ gia đình của cộng đồng dân cư tham dự.

+ Tỷ lệ 75% ý kiến đồng ý của cộng đồng dân cư được tính trên tổng số đại diện hộ gia đình của cộng đồng dân cư tham dự cuộc họp.

NỘI DUNG LÀM VIỆC

1. Cơ quan chuẩn bị cuộc họp:

- Thông báo nội dung cuộc họp.
- Nêu thông tin cụ thể về các cá nhân có hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.
- Đọc các điều kiện, tiêu chuẩn về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

2. Đồng chí chủ trì điều hành cuộc họp

Các đại biểu tham dự cuộc họp thảo luận, đánh giá về việc chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; về phẩm chất đạo đức; về tài năng, những cống hiến trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương của cá nhân có hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

(Ghi tóm tắt những ý kiến cơ bản của các đại biểu tham dự đối với từng cá nhân đề nghị được xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể).

Các đại biểu dự họp thống nhất: hoặc bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết về việc đồng ý/không đồng ý đề nghị cơ quan có thẩm quyền xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” hoặc “Nghệ nhân ưu tú” cho cá nhân vừa thảo luận.

3. Kết luận

Thông báo tỷ lệ phiếu đồng ý/trên tổng số người đại diện hộ gia đình dự họp
(Số phiếu bầu đồng ý và tỷ lệ % được đại diện cơ quan chủ trì cuộc họp thông báo trực tiếp tại Hội nghị trước khi cuộc họp kết thúc).

Cuộc họp kết thúc vào hồi giờ ngày tháng năm

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỌA CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Mỗi cá nhân làm một Biên bản họp lấy ý kiến riêng (có nêu đánh giá cụ thể về các nội dung cuộc họp thảo luận).